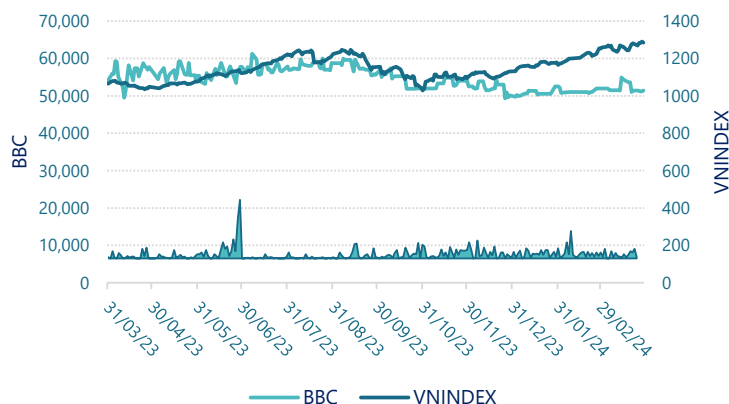


CTCP Bibica (HSX: BBC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	51,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	61,254
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	49,300
SL cổ phiếu LH	18,752,687
KLGD BQ 20 phiên (CP)	395
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	964
P/E	8.5
EPS	6,044

DT thuần

Q1/24

360

tỷ VNĐ

QoQ: ▼253 | -41.3%

YoY: ▲ 123 | 51.7%

LN sau thuế

Q1/24

17.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼55.3 | -76.0%

YoY: ▲ 14.4 | 481%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

8.4%

+/- YoY: ▼ 6.4%

DT thuần

2023

1,488

tỷ VNĐ

YoY: ▼125 | -7.7%

LN sau thuế

2023

96.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼96.8 | -50.2%

ROE

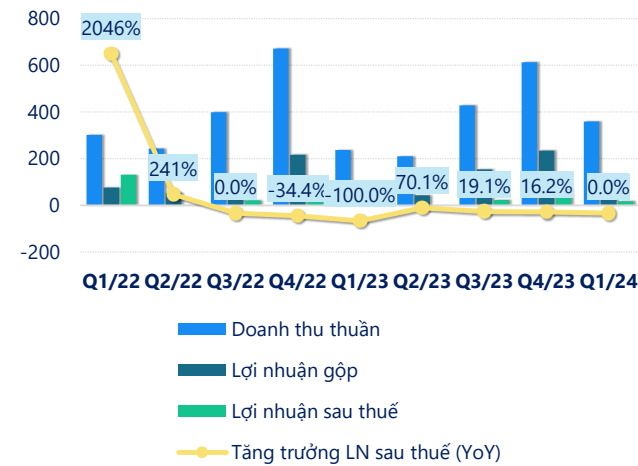
2023

6.9%

+/- YoY: ▼ 9.5%

tỷ VNĐ

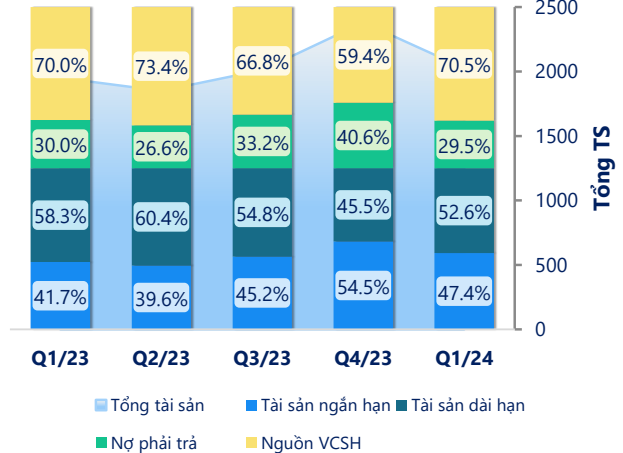
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

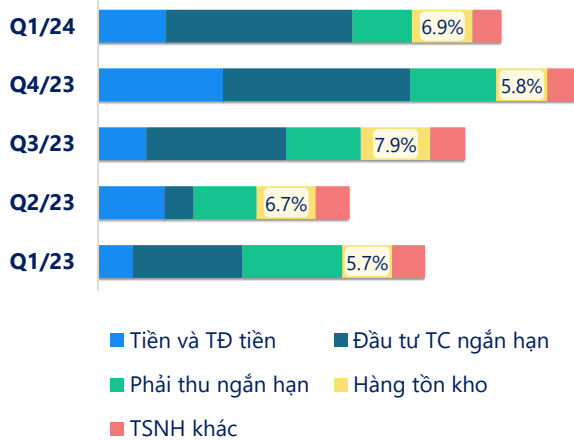
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



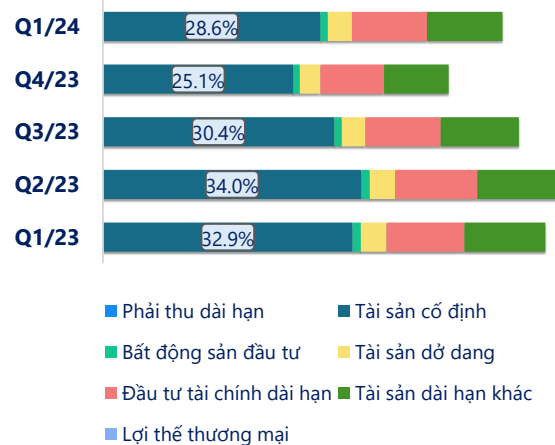
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

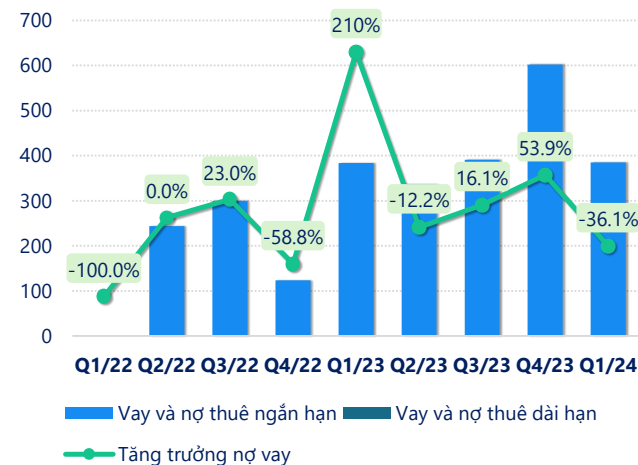
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

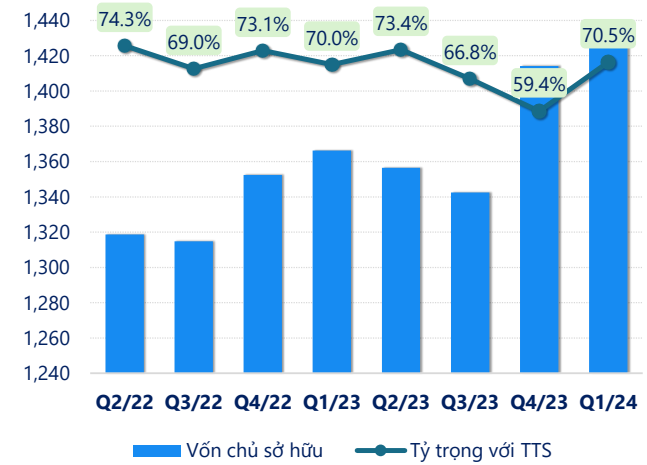
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

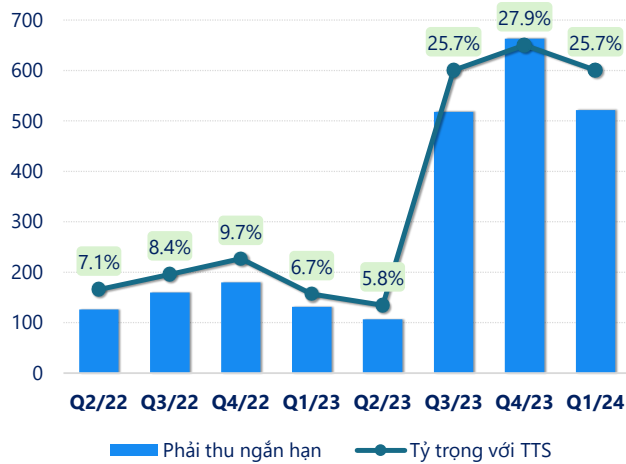
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



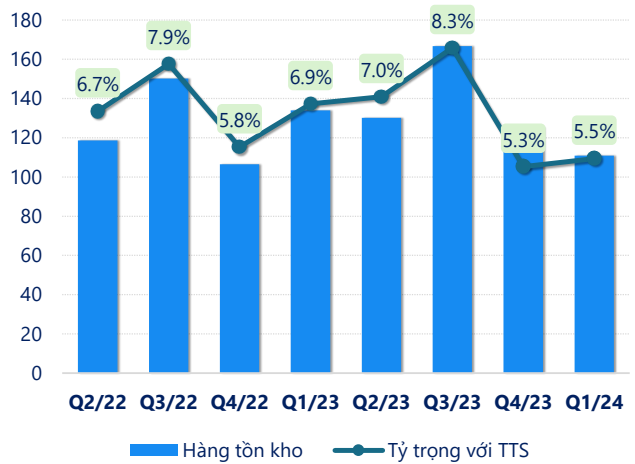
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


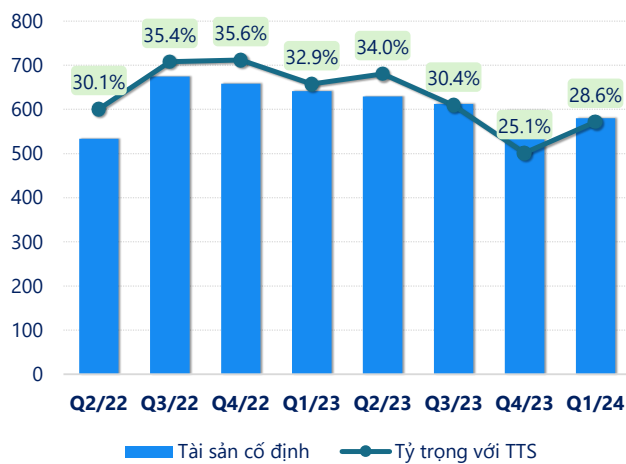
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


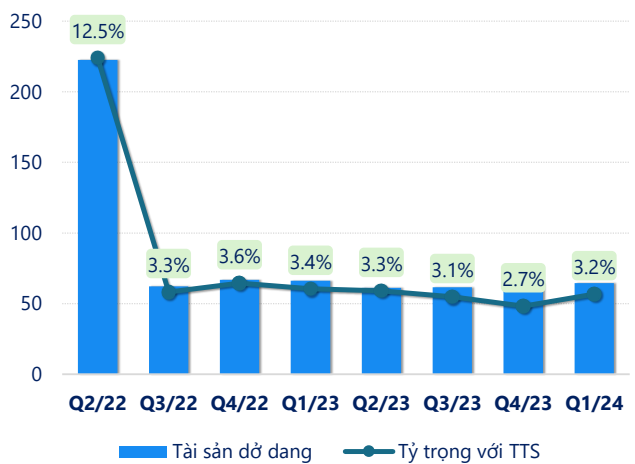
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

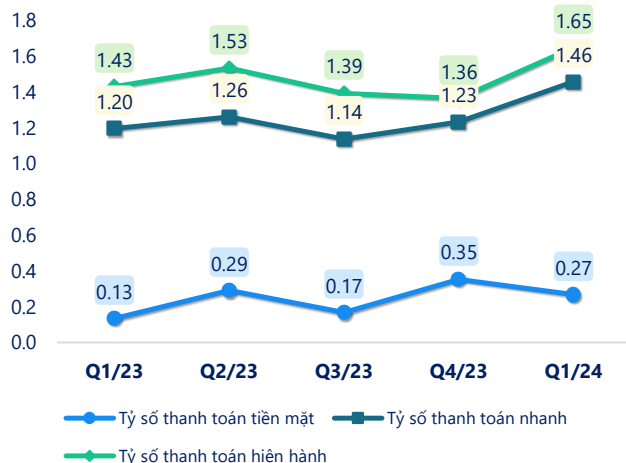
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

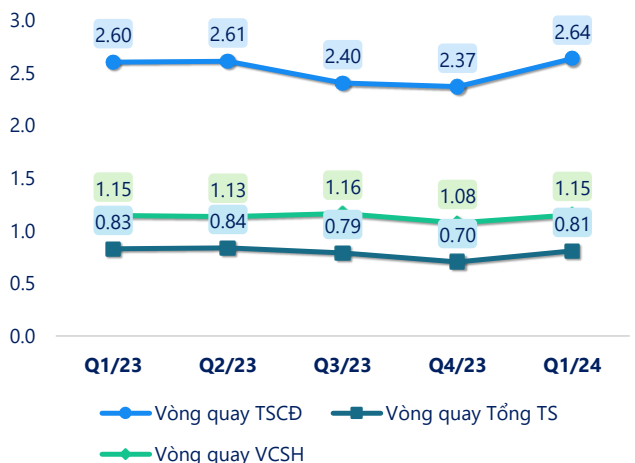
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	1,951	1,849	2,011	2,380	2,027
Tài sản ngắn hạn	815	732	910	1,297	960
Tiền và tương đương tiền	76.5	139	110	335	156
Đầu tư tài chính ngắn hạn	410	301	77.9	118	120
Phải thu ngắn hạn	131	107	518	663	522
Hàng tồn kho	134	130	167	125	111
Tài sản ngắn hạn khác	63.0	55.5	37.3	54.9	52.6
Tài sản dài hạn	1,137	1,117	1,101	1,084	1,066
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Tài sản cố định	641	629	612	597	580
Bất động sản đầu tư	20.7	20.5	20.3	20.1	19.9
Tài sản dở dang	66.2	61.2	61.7	64.3	64.4
Đầu tư tài chính dài hạn	200	200	200	200	200
Tài sản dài hạn khác	208	207	207	202	202
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	585	492	669	966	597
Nợ ngắn hạn	569	477	653	951	583
Vay và nợ thuê ngắn hạn	383	337	391	602	385
Phải trả người bán ngắn hạn	76.8	69.2	136	132	79.5
Nợ dài hạn	15.8	15.1	15.1	15.5	14.1
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,366	1,357	1,343	1,414	1,430
Vốn chủ sở hữu	1,366	1,357	1,343	1,414	1,430
Vốn điều lệ	188	188	188	188	188
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)